

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và dịch vụ phía Nam Quốc lộ 47, huyện Đông Sơn (gần trường cấp 3 Đông Sơn 1) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn - UBND huyện Đông Sơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo Quyết định số 4314/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng khu dân cư và dịch vụ phía Nam Quốc lộ 47, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (gần trường cấp 3 Đông Sơn 1);

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và dịch vụ phía Nam Quốc lộ 47, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tại biên bản hội nghị thẩm định báo cáo ĐTM họp ngày 20/7/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 178/QLDA-TTr ngày 03/8/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, UBND huyện Đông Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 800/Tr-STNMT ngày 24/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và dịch vụ phía Nam Quốc

lộ 47 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn - UBND huyện Đông Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (gần trường cấp 3 Đông Sơn 1) với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn - UBND huyện Đông Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và dịch vụ
phía Nam Quốc lộ 47, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (gần trường cấp 3
Đông Sơn 1).

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020
của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

Khu dân cư và dịch vụ phía Nam Quốc lộ 47, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (gần trường cấp 3 Đông Sơn 1), huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

+ Người đại diện: Lê Bá Ứng.

+ Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, UBND huyện Đông Sơn

+ Địa chỉ: Thị trấn Rừng thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án 84.452,3 m²; quy mô sử dụng đất như sau: đất ở chia lô liên kế: 36.479,9 m², đất biệt thự 9.628,10m², đất ở nhà xã hội: 3.307,3m²; đất công trình công cộng (nhà văn hóa): 584,3m²; đất dịch vụ thương mại: 5.349,5 m²; đất khuôn viên cây xanh: 2.127,2 m²; đất bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật: 3.216,6m²; đất giao thông: 40.949,6m²; đất bãi đỗ xe: 1.281,2m².

+ Các hạng mục xây dựng gồm: San nền; xây dựng hệ thống đường giao thông, cây xanh; hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; hệ thống cấp điện;.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân khoảng 5,5 m³/ngày (nước thải nhà vệ sinh khoảng 2,45m³/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 2,75m³/ngày; nước thải từ quá trình ăn uống 0,3 m³/ngày); chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ, Coliforms,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 8m³/ngày; chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,... chủ yếu chứa thành phần: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 55kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm: đất bóc hữu cơ, bùn nạo vét khoảng 54.769,3m³; vật liệu rời rời vãi (cát, đất, bê tông, đá,...) có tổng khối lượng khoảng 2.174 tấn; vật liệu khác (bao bì xi măng, vụn sắt thép, gỗ ván hỏng,...) có tổng khối lượng khoảng 41,3 tấn.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... khối lượng khoảng 10 kg/đợt thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng 59,3 lít/tháng.

2.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các tác động đến kinh tế - xã hội khác.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư thuộc dự án là 216,0 m³/ngày.đêm (nước thải nhà vệ sinh: 86,4 m³/ngày.đêm; nước thải tắm giặt: 115,2 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn: 86,4 m³/ngày.đêm); chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ dự án chủ yếu là bụi, khí thải phát sinh do phương tiện ra vào dự án; hoạt động xây dựng của các nhà đầu tư thành viên; hoạt động xây dựng nhà ở và sinh hoạt của các hộ dân trong khu dân cư; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung; chủ yếu chứa thành phần: bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃, H₂S...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Tổng khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 2.400 kg/ngày, lượng rác thải này chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Ngoài ra, còn có chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng của các nhà đầu tư thành viên, các hộ gia đình và chất rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường (bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rãnh thoát nước mưa trong khu dân cư).

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân trong khu dân cư gồm: pin, ắc quy, sơn, bóng đèn neon, ,.... với khối lượng khoảng 24,0 kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

* *Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế

thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas 30m/hố gas. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời với kích thước rộng x cao = 0,4m x 0,4m được bố trí dọc khu đất thực hiện dự án theo hướng dẫn nước về mương thoát nước chung khu vực; các hố gas tạm có kích thước dài x rộng x sâu = 1,0m x 1,0m x 1,0m. Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom chảy ra kênh.

- Chất thải sinh hoạt được thu gom triệt để, tránh để các loại chất thải bị nước mưa cuốn vào nguồn nước.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân thu gom tập trung về hố lắng có thể tích 03m³ (kích thước: dài x rộng x sâu: 2m x 1,5m x 1m, kết cấu bằng đá hộc bao xung quanh) để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được thoát ra mương thoát nước khu lán trại.

- Đối với nước thải nhà vệ sinh: Xử lý bằng 05 nhà vệ sinh xây dựng, định kỳ thuê Công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa bơm hút, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

- Đối với nước thải nhà bếp thu gom về 01 hố lắng để loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ. Thể tích hố lắng: 01 m³, kích thước: dài x rộng x cao = 1m x 1m x 1m, kết cấu bằng đá hộc bao xung quanh. Váng dầu mỡ được nhà thầu gạn váng dầu vào xô rác tập trung chung với chất thải sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*

- Nước thải xây dựng được thu gom về hố lắng tạm, thể tích V = 5 m³ (kích thước D x R x H = 2,5x2,0x1,0m) kết cấu bằng đá hộc bao xung quanh để loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ. Váng mỡ được thu gom, lưu giữ và xử lý cùng với chất thải nguy hại.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Lắp dựng khoảng 500 m rào tôn, cao 2,5m ở ranh giới phía tiếp giáp với khu dân cư lân cận và trường THPT Đông Sơn 1.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân với số lượng 2 bộ/người/năm; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày khi thời tiết hanh khô; bố trí công nhân quét dọn đất, cát vương vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường gần nhất trong phạm vi 500m.

- Sử dụng các thiết bị máy móc và xe đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật; Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt, vận chuyển đúng tải trọng và tốc độ quy định; Rửa lốp xe trước khi ra khỏi công trường, vị trí khu vực rửa xe được đặt tại cổng ra vào công trường gần vị trí đầu nối với hệ thống thoát nước của khu vực.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 02 thùng đựng rác thải 50 lít để thu gom rác thải sinh hoạt khu lán trại.

- Hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa, hoặc các đơn vị có chức năng khác vận chuyển 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Vật liệu san nền rơi vãi được thu gom tái sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại chỗ; bao bì xi măng, thép vụn, gỗ ván hỏng được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Bùn đất đào hữu cơ, vận chuyển đổ thải tại bãi thải có diện tích 10ha và dung tích lớn nhất là 500.000m³.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trang bị 02 thùng có dung tích 200 lít/thùng có dán nhãn theo quy định để chứa chất thải rắn và chất thải lỏng nguy hại đặt tại khu vực riêng có diện tích 10m² thuộc khu vực lán trại.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

** Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:*

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

** Biện pháp giảm thiểu độ rung*

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế xã hội

- Giáo dục, tuyên truyền ý thức công nhân xây dựng, không có các hành động gây mất an ninh trật tự địa phương, không tham gia các tệ nạn xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư lưu trú tại địa bàn để triển khai thực hiện xây dựng dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:*

- Thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải; thi công tuyến cống thoát nước mưa và hướng thoát nước theo đúng thiết kế.

- Toàn bộ nước mưa được thu gom vào hệ thống cống rãnh sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Yêu cầu các nhà đầu tư thành viên thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn phát sinh trong quá trình xây dựng và hoạt động theo hồ sơ thủ tục môi trường đã được phê duyệt.

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải:*

- Yêu cầu các nhà đầu tư thành viên thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải phát sinh trong quá trình xây dựng và hoạt động theo hồ sơ thủ tục môi trường đã được phê duyệt.

- Đối với nước thải các hộ gia đình: Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của khu dân cư sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn tại các gia đình sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của khu dân cư.

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải như sau: Nước thải → Bể điều hòa → Bể Thiếu khí (Anoxic) → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

Trạm xử lý nước thải tập trung được đặt tại phía Nam của dự án, gần điểm đầu nối thoát nước thải ra mạng thoát nước chung của khu vực.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Tại các khu vực công cộng:

- + Kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn trong quá trình xây dựng của các hộ gia đình theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam;

- + Hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu dân cư nhằm giảm thiểu bụi theo bánh xe;

- + Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt; thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, hố ga, hệ thống thoát nước mưa.

- Các hộ gia đình:

- + Các hộ dân, chủ khu kinh doanh, dịch vụ tự thu gom, phân loại, xử lý khí thải phát sinh từ khu vực nhà bếp bằng hệ thống hút mùi trước khi thải ra môi trường;

- + Có các biện pháp tuyên truyền để người dân hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch, củi, rơm trong việc đun nấu.

- Yêu cầu các nhà đầu tư thành viên thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xây dựng và hoạt động theo hồ sơ thủ tục môi trường đã được phê duyệt.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Các nhà đầu tư thành viên:

- + Trang bị các thùng chứa chất thải sinh hoạt thu gom rác thải và đặt tại nơi thích hợp để được thu gom cùng rác sinh hoạt của các hộ dân về nơi tập kết rác;

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xây dựng và hoạt động theo hồ sơ thủ tục môi trường đã được phê duyệt.

- Chất thải từ các hộ gia đình:

+ Chất thải sinh hoạt của các hộ gia đình sẽ được thu gom, phân loại tại nguồn và đưa về khu tập kết rác của khu dân cư; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý với tần suất 1 ngày/lần;

+ Khu vực tập kết chất thải (bao gồm chất thải rắn và chất thải nguy hại) được bố trí gần với khu vực trồng cây xanh với diện tích khoảng từ 100 m².

- Chất thải rắn từ các khu vực công cộng:

+ Trang bị các thùng rác có nắp đậy đặt dọc các tuyến đường để thu gom CTR phát sinh. Mỗi vị trí đặt 02 thùng khác nhau để thu gom, phân loại CTR, các vị trí cách nhau 50m;

+ Định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh và thông báo rộng rãi cho toàn khu dân cư biết trước khi triển khai;

+ Đặt biển báo cấm vứt rác bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định;

+ Hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa thu gom và xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

- Yêu cầu các nhà đầu tư thành viên trang bị thùng lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Chất thải nguy hại được thu gom từ các hộ gia đình và tập kết vào các thùng chứa có mái che và có gắn nhãn mác đặt tại khu vực tập kết rác thải.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát khí thải trong quá trình xây dựng:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Vị trí giám sát: tại 02 vị trí thi công dự án

+ Vị trí trung tâm khu vực thi công dự án

+ Vị trí tuyến đường vận chuyển vào công trường

- Quy chuẩn áp dụng:

+ Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

4.2. Giám sát nước thải trong quá trình hoạt động

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Chỉ tiêu giám sát: pH, SS, BOD₅, dầu mỡ khoáng, NH₄⁺ theo N, Coliform, E. Coli.
- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sau khi hệ thống xử lý ra nguồn tiếp nhận.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.